

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 712/2023/HC-PT
Ngày 25 - 9 - 2023
*V/v Khiếu nại quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn và bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 313/2023/TLPT-HC ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10607/2023/QĐPT-HC ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông NTL, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 35, đường T, Khối 14, phường T1, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (có mặt).

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) và Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn: Ông NVH - Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn:

Bà TTMA - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. (có mặt)

Ông NAH - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. (có mặt)

Bà PTM - Cán bộ Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. (vắng mặt)

2.2. Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn: Ông HTH - Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn: Ông NQH - Cán bộ Phòng Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà ĐTN, sinh năm 1963; anh NTS, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: Số 35, đường T, khối 14, phường T1, thành phố Lạng Sơn. (vắng mặt)

3.2. Bà NTL1, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

3.3. Ông NĐT, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn H1, xã Đ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2, bà N, bà L1, anh S: Ông NTL - Là người khởi kiện trong vụ án. (có mặt)

3.4. Chị VTM, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn K, xã H1, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.5. Anh NTT, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 35, đường T, khối 14, phường T1, thành phố Lạng Sơn. (vắng mặt)

3.6. UBND phường T1, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Người đại diện theo pháp luật: Ông ĐĐT - Chủ tịch UBND phường T1, thành phố Lạng Sơn. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện ông NTL trình bày: Gia đình ông có một thửa đất ở liền kề ngôi nhà số 35, đường T, phường T1, thành phố Lạng Sơn. Do bị ảnh hưởng dự án P, phường T1, thành phố Lạng Sơn, UBND thành phố Lạng Sơn ra quyết định thu hồi thửa đất có diện tích 95m², có các cạnh tiếp giáp gồm: phía Bắc giáp nhà số 35 đất nhà của bà NTL, phía Nam giáp nhà số 37 đất nhà của ông VGK, phía Đông giáp nhà của ông LVH, phía Tây giáp mặt đường T.

Nguồn gốc thửa đất gia đình ông nhận chuyển nhượng của ông NĐT, trên đất có một ngôi nhà cấp bốn tường xây gạch xi măng, mái lợp ngói móc nằm dọc theo đường T có diện tích sử dụng nhà 3,5m x 6m = 21m² và công trình bếp xây gạch xi

măng mái lợp ngói có diện tích $3\text{m} \times 4\text{m} = 12\text{m}^2$, gia đình ông đã sử dụng ở ổn định từ khi mua, không có tranh chấp.

Ngày 18/10/2021 UBND thành phố Lạng Sơn ban hành Quyết định thu hồi đất số 3932/QĐ-UBND, không nói rõ loại đất thu hồi, thu hồi không đúng trình tự thủ tục theo quy định, thu hồi không đúng với diện tích đất ông sử dụng thực tế, dự án P hộ thì có Quyết định thu hồi đất, hộ thì không có Quyết định thu hồi đất (cả dự án có 04 hộ có Quyết định thu hồi đất).

Ngày 22/11/2021 UBND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 4269/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi $64,4\text{m}^2$ đất để thực hiện dự án P. Việc cưỡng chế khi trình tự thủ tục bồi thường không đúng quy định, đơn giá bồi thường về đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc và hỗ trợ khác không đúng thời điểm có Quyết định thu hồi đất, đơn giá bồi thường còn áp đặt, không xem xét thấu đáo hỗ trợ đất tái định cư cho gia đình ông. Ngày 23/6/2022, Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn ban hành Quyết định hành chính số 1452/QĐ-UBND “về việc giải quyết khiếu nại của ông NTL, trú tại khối 14, phường T1, thành phố Lạng Sơn”. Trong quá trình thực hiện bồi thường không đúng trình tự thủ tục, đơn giá bồi thường đất đai, nhà cửa không đúng thời điểm thu hồi đất, đơn giá bồi thường có tính chất áp đặt chủ quan. Khối lượng đất $9,8\text{m}^2$, khối lượng nhà sau khi phúc tra tính thiếu. Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn không xem xét toàn diện thấu đáo trên cơ sở sau: Diện tích đất thực tế gia đình ông sử dụng; Biên bản giao đất tại thực địa cho Ban quản lý dự án - Xây dựng cơ bản của Tỉnh, hồ sơ thiết kế đường T không chỉ rõ cho gia đình ông; hồ sơ, sơ đồ đền bù đường T cho ông NĐT; Bản đồ địa chính năm 1997 phường T1 để bồi thường cho gia đình ông, dẫn đến bác toàn bộ nội dung Khiếu nại.

Ngày 23/8/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định số 1647/QĐ-UBND về việc điều chỉnh bổ sung giá trị bồi thường về đất cho gia đình ông nhưng lại áp dụng giá đất cụ thể năm 2015 theo Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 để bồi thường là không còn phù hợp với thời giá hiện nay, giá bồi thường nhà cửa vật kiến trúc và hỗ trợ khác áp dụng thời điểm năm 2005 không điều chỉnh lại, thực tế diện tích thu hồi là $74,2\text{m}^2$ nhưng theo Quyết định là $64,4\text{m}^2$; như vậy đã thu hồi sai của gia đình ông là $9,8\text{m}^2$ đất nhưng không đưa vào phương án bồi thường. Đến ngày 23/7/2021, có thông báo số 807/TB-PTQĐ cho gia đình ông nhận tiền bồi thường là không đúng quy định. Dự án P, phường T1, thành phố Lạng Sơn là dự án phát triển kinh tế, phân lô bán nền, các hộ bị ảnh hưởng trong dự án, hộ thì bồi thường theo quy định, hộ thì được bồi thường theo thỏa thuận với Nhà đầu tư, do vậy công tác bồi thường không công bằng, không khách quan, không minh bạch theo quy định, giá đất ở Nhà đầu tư bán tối thiểu 30 triệu đồng/ m^2 . Hiện nay, gia đình ông có 3 thế hệ (ông, bà, bố mẹ, con cháu), 6 nhân khẩu ở chung một nhà, đất ở đã bị thu hồi, gia đình không còn nơi ở nào khác trên địa bàn, nhưng không được UBND thành phố Lạng Sơn bồi thường lô đất tái định cư theo Luật định; đơn giá bồi thường đất đai, bồi thường nhà cửa vật kiến trúc và

hỗ trợ khác chưa được áp dụng phù hợp, diện tích bồi thường nhà tính thiếu đã kiểm tra khi thanh tra nhưng UBND thành phố không tính toán bổ sung; diện tích số đất bị thu hồi chưa đúng thực tế, căn cứ điểm a khoản 1 điều 79 Luật Đất đai 2013; điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy bỏ một phần Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường về đất đối với 17 hộ gia đình bị ảnh hưởng dự án: P, phường T1, thành phố Lạng Sơn (phần liên quan đến gia đình ông NTL).

2. Hủy Quyết định số 3932/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND thành phố Lạng Sơn về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: P, phường T1, thành phố Lạng Sơn.

3. Hủy Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn về việc cưỡng chế thu hồi đất với hộ ông NTL do bị ảnh hưởng dự án: P, thành phố Lạng Sơn.

4. Hủy Quyết định số 1452/QĐ-UBND, ngày 23/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn về việc giải quyết khiếu nại của ông NTL, trú tại khối 14, phường T1, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (lần đầu).

5. Bồi thường giá trị đất đai, giá trị nhà cửa vật kiến trúc và các hỗ trợ khác, diện tích đất, nhà còn thiếu theo quy định tại thời điểm đối với diện tích đất thu hồi và cây cối, công trình vật kiến trúc trên đất không sát với giá thị trường, trên cơ sở bảng giá đất tại Quyết định số 32 ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

6. Tính giá trị bồi thường trả cho gia đình ông diện tích đất thực tế thu hồi 9,8m² đất thực tế đang sử dụng, đất không có trong phương án đền bù (Quyết định số 3932/QĐ-UBND của UBND thành phố thu hồi 64,4m², thực tế thu hồi là 74,2m²).

7. Giao 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn trình bày:

Dự án P, phường T1, thành phố Lạng Sơn được thực hiện theo Quyết định số 933/QĐ-UB-XD ngày 21/6/2004 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc thu hồi đất và giao đất cho Công ty TNHH sản xuất thương mại (nay là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng D, gọi tắt là Công ty D) để đầu tư xây dựng P, phường T1, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Tại thời điểm UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 933/QĐ-UB-XD ngày 21/6/2004 về việc thu hồi đất và giao đất cho Công ty D để đầu tư xây dựng P, phường T1, thành phố Lạng Sơn, chưa ban hành Quyết định thu hồi đất riêng tới từng hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, tại khoản 6 Điều 130 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định phải ban hành Quyết định thu hồi diện tích đất cụ thể đối với từng thửa đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Do vậy, để đảm bảo quy định, UBND thành phố Lạng Sơn đã ban hành Quyết

định số 3932/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án P, phường T1, thành phố Lạng Sơn đối với hộ ông NTL.

Theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 1 Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt giá đất cụ thể dự án: P, thành phố Lạng Sơn. Vị trí đất của gia đình ông NTL bị thu hồi thuộc Vị trí 1, Đất ở tại đô thị thuộc đường T (đoạn 1, đoạn từ Trần Đăng Ninh - Bông Lau đến ngã 5 đường T), với giá đất cụ thể là 7.000.000đồng/m².

Tại thời điểm năm 2005, khi lập hồ sơ kiểm đếm phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình ông NTL đã được thực hiện đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 38, khoản 4 Điều 56 Luật Đất đai năm 2003 và điểm đ khoản 1 Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, hộ gia đình ông L2 được bồi thường hỗ trợ với tổng số tiền là: 97.904.800đồng.

Đối với phần giá trị chênh lệch giữa phương án bồi thường, hỗ trợ tính đúng theo cơ chế chính sách trước đây với phương án bồi thường, hỗ trợ tính đúng theo quy định hiện hành đã được Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường về đất đối với 17 hộ gia đình ảnh hưởng dự án P; hộ ông L2 được bồi thường, hỗ trợ với tổng giá trị thực lĩnh là 279.673.800đồng (Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 21/10/2005 là 107.000đồng, Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 là 279.673.800đồng). Như vậy, phương án bồi thường, hỗ trợ của gia đình ông L2 đã được xem xét, điều chỉnh đảm bảo theo quy định.

Đồng thời việc ban hành Quyết định số 3932/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án P, phường T1, thành phố Lạng Sơn đối với hộ gia đình ông L2 là để đảm bảo về mặt thủ tục pháp lý nhưng không làm thay đổi đến quyền lợi của người bị thu hồi đất. Do hộ ông L2 không tự giác chấp hành Quyết định thu hồi đất nên Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông L2. Ngày 06/12/2021, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn đối với hộ ông L2 theo quy định pháp luật. Sau khi cưỡng chế phá dỡ công trình trên đất và thu hồi đất, Ban thực hiện cưỡng chế đã bàn giao toàn bộ diện tích đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố để bàn giao cho Công ty D thi công thực hiện dự án theo quy định.

Về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông L2: Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh, Thanh tra thành phố đã tham mưu cho Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn ban hành Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông L2 (lần đầu), trong đó nêu rõ “*Giữ nguyên Quyết định số 3932/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND thành phố Lạng Sơn về việc thu hồi*

đất để thực hiện dự án P, phường T1, thành phố Lạng Sơn. Bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông L2 vì không có cơ sở”.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn trình bày: Đối với nội dung ông NTL yêu cầu Tòa án nhân dân tuyên hủy một phần Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

Ông NTL có đất bị ảnh hưởng bởi dự án P, thành phố Lạng Sơn, theo đó ông L2 thực lĩnh số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng 97.846.840đồng. Ngày 10/4/2019, UBND thành phố Lạng Sơn có Tờ trình số 70/TTr-UBND đề nghị phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường về đất đối với một số hộ gia đình xây nhà trên đất nông nghiệp tại dự án P, phường T1, thành phố Lạng Sơn. Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ có liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đối với 17 hộ bị ảnh hưởng dự án P, phường T1, cho thấy: Nguồn gốc quản lý, sử dụng đất đai của 17 hộ này tương tự như hộ gia đình bà HTT, xây dựng nhà trên đất nông nghiệp, nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ), trước đây đã được phê duyệt bồi thường theo loại đất nông nghiệp tại Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 22/5/2007 của UBND tỉnh Lạng Sơn. Đến nay, hộ gia đình bà T3 đã được UBND tỉnh xem điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ diện tích 80m² theo loại đất ở, thu 50% tiền sử dụng đất được phê duyệt tại Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn. Để tạo sự công bằng cho các hộ dân bị thu hồi đất do ảnh hưởng dự án P, phường T1, tránh phát sinh đơn thư kiến nghị của người dân, góp phần tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án. Ngày 16/8/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 316/TTr-STNMT trình UBND tỉnh xem xét việc điều chỉnh phương án, bổ sung giá trị bồi thường về đất đối với 17 hộ gia đình bị ảnh hưởng dự án P, phường T1 và đã được phê duyệt tại Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn, trong đó giá trị, hỗ trợ đối với ông L2 sau điều chỉnh là 279.673.800đồng. Như vậy, việc Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 đã đảm bảo theo đúng quy định. Do đó, việc ông L2 đề nghị hủy một phần Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 liên quan đến phần giá trị gia đình ông là không có cơ sở.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà ĐTN, anh NTT, anh NTS, chị VTM và ông NĐT: Nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông NTL và có ý kiến xin vắng mặt ở tất cả các phiên họp, phiên đối thoại và xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà NTL có mặt tại phiên toà sơ thẩm và nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông NTL

UBND phường T1, thành phố Lạng Sơn: Nhất trí với phần trình bày của UBND thành phố Lạng Sơn, các tài liệu liên quan đến nội dung vụ án, UBND phường đã bàn giao cho UBND thành phố Lạng Sơn để cung cấp cho Tòa án và có văn bản xin vắng mặt ở tất cả các phiên họp, phiên đối thoại và xét xử.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 157, Điều 158, Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm c khoản 2 Điều 83 và Điều 86 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 53 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 18, khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 của Luật Khiếu nại năm 2011; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

I. Về yêu cầu khởi kiện: Bác yêu cầu khởi kiện của ông NTL về yêu cầu:

1. Hủy một phần Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường về đất đối với 17 hộ gia đình bị ảnh hưởng dự án: P, phường T1, thành phố Lạng Sơn (phần liên quan đến gia đình ông NTL).

2. Hủy Quyết định số 3932/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND thành phố Lạng Sơn về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: P, phường T1, thành phố Lạng Sơn.

3. Hủy Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn về việc cưỡng chế thu hồi đất với hộ ông NTL do bị ảnh hưởng dự án: P, thành phố Lạng Sơn.

4. Hủy Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn về việc giải quyết khiếu nại của ông NTL, trú tại khối 14, phường T1, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (lần đầu).

5. Bồi thường giá trị đất đai, giá trị nhà cửa vật kiến trúc và các hỗ trợ khác, diện tích đất, nhà còn thiếu theo quy định tại thời điểm đối với diện tích đất thu hồi và cây cối, công trình vật kiến trúc trên đất không sát với giá thị trường, trên cơ sở bảng giá đất tại Quyết định số 32, ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

6. Tính giá trị bồi thường trả cho gia đình ông diện tích đất thực tế thu hồi 9,8m² đất thực tế đang sử dụng, đất không có trong phương án đền bù (Quyết định số 3932/QĐ-UBND, của UBND thành phố thu hồi 64,4m², thực tế thu hồi là 74,2m²)

7. Giao 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/02/2023 và ngày 02/3/2023, người khởi kiện ông NTL có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông NTL đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông NTL, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, chấp nhận một phần kháng cáo của ông NTL, sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, hủy một phần Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường về đất liên quan đến gia đình ông L2; hủy một phần Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông L2 (phần bồi thường, hỗ trợ giá trị đất đai). Bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định khác của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 22/02/2023 và ngày 02/3/2023, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Đơn kháng cáo của người khởi kiện gửi trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Việc vắng mặt của đương sự: Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt những người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn, Chủ tịch và UBND thành phố Lạng Sơn nhưng họ đã có ý kiến xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Ngày 15/7/2022 ông NTL khởi kiện Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 3932/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND thành phố Lạng Sơn; Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn; Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý giải quyết vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 30, 32, 116 Luật Tổ tụng hành chính. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử xem xét cả tính hợp pháp của Quyết định hành chính khác có liên quan.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của ông NTL, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[2.1] Dự án P, phường T1, thành phố Lạng Sơn được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thị xã (nay là thành phố) Lạng Sơn giai đoạn 1999-2010 tại Quyết định số 2176/QĐ-UB ngày 13/12/2000 và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 617/QĐ-UB-XD ngày 15/4/2004, dự án thực hiện theo phương thức sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, theo hình thức Nhà đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án. Ngày 21/6/2004 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 933/QĐ-UB-XD về việc thu hồi, giao đất cho Công ty TNHH thương mại (nay là công ty cổ phần xây dựng D) để đầu tư xây dựng P, với tổng diện tích đất thu hồi là 139.964,0m² và 170 hộ gia đình bị ảnh hưởng. Dự án thực hiện từ năm 2004 đến nay trải qua 02 giai đoạn áp dụng Luật Đất đai (Luật Đất đai 2003 và Luật Đất đai 2013), các nguyên tắc áp dụng đều đảm bảo theo hướng có lợi cho người bị thu hồi đất. Tính đến thời điểm hiện tại (tháng 9/2023) đã có 168 hộ/170 hộ gia đình bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án, đạt 98,8%, với diện tích đã bàn giao 138.511,5m², đạt 98,9%. Còn 02 hộ gia đình chưa bàn giao mặt bằng chiếm tỷ lệ 1,1%.

Trong quá trình triển khai thực hiện, do dự án kéo dài, để giảm bớt khó khăn cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng dự án nói chung và gia đình ông L2 nói riêng khi bị thu hồi đất, UBND thành phố đã xem xét, báo cáo UBND tỉnh vận dụng theo hướng có lợi cho người bị thu hồi. Đối với gia đình ông L2, UBND thành phố đã báo cáo xem xét, cụ thể như sau:

Theo Biên bản kiểm đếm ngày 13/10/2004 thể hiện gia đình ông NTL đang sử dụng tổng diện tích là 206,4m², trong đó diện tích bị thu hồi để thực hiện dự án là 64,4m², trên diện tích đất bị thu hồi có nhà ở cấp IV. Ngày 18/01/2007, ông L2 kiến nghị diện tích kiểm đếm thiếu, Tổ công tác đã tiến hành đo đạc bổ sung.

Kết quả kiểm tra nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, đối chiếu hồ sơ địa chính cho thấy tổng diện đất đang sử dụng bao gồm cả diện tích dự kiến thu hồi đều chưa được cấp GCNQSDĐ, diện tích đất này ông L2 nhận chuyển nhượng của ông NĐT vào năm 1993, có giấy tờ chuyển nhượng viết tay. Trong tổng diện tích đất dự kiến thu hồi có 9,8m², bản đồ địa chính phường T1 đo vẽ năm 1997 thể hiện một phần thửa 33 là đất giao thông (đất do Nhà nước quản lý), không đủ điều kiện xem xét, bồi thường. Chỉ xem xét bồi thường đối với diện tích 64,4m² do ông L2 nhận chuyển nhượng của ông T2 theo loại đất nông nghiệp, biên bản kiểm đếm đã được ông L2 ký tên xác nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường về đất đối với 17 hộ gia đình bị ảnh hưởng dự án: P, phường T1, thành phố Lạng Sơn (phần liên quan đến gia đình ông NTL). Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Ngày 22/5/2007, UBND tỉnh Lạng Sơn có Quyết định số 880/QĐ-UBND phê

duyệt dự toán chi phí bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng dự án: P (Giai đoạn II) địa phận phường T1, theo đó ông L2 thực lĩnh số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng là 97.846.840đồng. Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 28/4/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định ban hành kèm theo các Quyết định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013 của UBND tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể dự án P, phường T1, thành phố Lạng Sơn; Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ bà HTT bị ảnh hưởng dự án P, phường T1, thành phố Lạng Sơn; Thông báo số 557/TB-UBND của UBND tỉnh về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 21/11/2018. Sau khi rà soát, tính toán lại phương án bồi thường, hỗ trợ; UBND thành phố Lạng Sơn đã có Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 10/4/2019 trình UBND tỉnh đề nghị phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường về đất đối với một số hộ gia đình xây nhà trên đất nông nghiệp tại án: P, phường T1.

Ngày 23/8/2019, UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 1647/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường về đất đối với 17 hộ gia đình (trong đó có trường hợp hộ ông NTL) bị ảnh hưởng dự án P, phường T1, thành phố Lạng Sơn, theo đó UBND tỉnh đã điều chỉnh toàn bộ diện tích bồi thường của ông L2 64,4m² thành đất ở (thu 50% tiền sử dụng đất do đất đã được sử dụng là đất ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004). Đơn giá về bồi thường đất điều chỉnh không áp dụng theo đơn giá tại thời điểm phê duyệt Quyết định số 880/QĐ-UBND mà được áp dụng theo giá đất cụ thể được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt tại Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 31/3/2015, P, thành phố Lạng Sơn với giá đất cụ thể tại vị trí 1 đường T là 7.000.000đồng/m², giá bồi thường đất cao hơn và có lợi hơn nhiều cho ông L2 (50% giá là 3.500.000đồng/m²). Đơn giá đất tại Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn là đơn giá đất cụ thể đã được phê duyệt để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo đúng quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; đơn giá này áp dụng cho tất cả các hộ gia đình bị ảnh hưởng dự án P, thành phố Lạng Sơn kể từ khi ban hành cho đến nay và hiện tại vẫn đang được tiếp tục thực hiện để áp giá bồi thường cho các hộ gia đình còn lại của dự án, chưa có quyết định nào thay thế, sửa đổi, bổ sung nên việc Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 đã đảm bảo theo đúng quy định. Do đó việc ông L2 đề nghị hủy một phần Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 liên quan đến phần giá trị của gia đình ông là không có cơ sở.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ ông L2 sau khi được điều chỉnh là 279.673.800 đồng (là số tiền thực lĩnh sau khi đã trừ 50% nghĩa vụ tài chính). Đến nay, ông L2 đã nhận đầy đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Lạng Sơn được thể hiện tại Phiếu chi số 422/23 ngày 07/6/2023 nên xác định việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông L2 đã được thực hiện xong.

[2.3] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3932/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND thành phố Lạng Sơn về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: P, phường T1, thành phố Lạng Sơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Theo quy định tại khoản 6 Điều 130 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, khoản 11 Điều 2 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006, khoản 1 Điều 53 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 (các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003). Tại thời điểm thực hiện triển khai dự án giai đoạn chuyển tiếp từ Luật Đất đai năm 1993 và Luật Đất đai năm 2003, cơ quan Nhà nước chưa ban hành Quyết định thu hồi đất riêng đối với các hộ gia đình (Luật Đất đai năm 1993 không quy định nhưng Luật Đất đai năm 2003 quy định phải ban hành quyết định thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân và thẩm quyền ban hành thuộc UBND cấp huyện. Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất thành phố Lạng Sơn năm 2021 đã được phê duyệt, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 3932/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 về việc thu hồi đất của hộ ông L2 đối với diện tích 64,4m² thuộc một phần thửa đất số 10, tờ bản đồ số 09, bản đồ địa chính phường T1. Quyết định thu hồi đất đã được giao cho gia đình ông L2 theo quy định. Như vậy, việc ban hành Quyết định thu hồi đất riêng đối với hộ ông L2 đã được khắc phục.

[2.4] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông NTL do bị ảnh hưởng dự án: P, thành phố Lạng Sơn, Hội đồng xét xử thấy, do hộ ông L2 không tự giác chấp hành Quyết định thu hồi đất nên Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông L2. Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đã được giao cho gia đình ông L2 theo quy định. Ngày 24/11/2021, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã tổ chức đối thoại với hộ ông L2. Tại buổi đối thoại, Ban thực hiện cưỡng chế đã vận động, thuyết phục, giải thích các quy định về cơ chế, chính sách và đề nghị hộ ông L2 chấp hành bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên, gia đình ông L2 không đồng ý chấp hành bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Ngày 06/12/2021, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn đối với hộ ông L2 là đúng quy định pháp luật. Sau khi cưỡng chế phá dỡ công trình trên đất và thu hồi đất, Ban thực hiện cưỡng chế đã bàn giao toàn bộ diện tích đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố để bàn giao cho Công ty D thi công thực hiện dự án theo quy định.

[2.5] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1452/QĐ-UBND, ngày 23/6/2022

của Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn về việc giải quyết khiếu nại của ông L2 (lần đầu), Hội đồng xét xử thấy: Ngày 26/10/2021, ông L2 có đơn khiếu nại; ngày 03/11/2021, Chủ tịch UBND thành phố ban hành thông báo thụ lý đơn khiếu nại; ngày 23/6/2022, Chủ tịch UBND thành phố ban Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn tuy có vi phạm thời hạn giải quyết theo quy định Điều 28 Luật Khiếu nại nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông L2. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn cần rút kinh nghiệm là phù hợp.

[2.6] Như đã phân tích ở trên, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội viện dẫn khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 để đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, chấp nhận một phần kháng cáo của ông NTL, sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, hủy một phần Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường về đất liên quan đến gia đình ông L2; hủy một phần Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông L2 (phần bồi thường, hỗ trợ giá trị đất đai) là không đúng, bởi lẽ: khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định “... nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo **giá đất cụ thể** của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”. Tuy nhiên **giá đất cụ thể** do UBND cấp tỉnh Lạng Sơn tại thời điểm ban hành Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 thì vẫn áp dụng đơn giá đất tại Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn là đơn **giá đất cụ thể** đã được phê duyệt để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo đúng quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013, vì đơn **giá đất cụ thể** này áp dụng cho tất cả các hộ gia đình bị ảnh hưởng dự án P, thành phố Lạng Sơn kể từ khi ban hành cho đến nay **và hiện tại vẫn đang được tiếp tục thực hiện để áp giá bồi thường cho các hộ gia đình còn lại của dự án, chưa có quyết định nào thay thế, sửa đổi, bổ sung**. Do đó, đề nghị trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội không được chấp nhận.

[2.7] Đối với yêu cầu bồi thường giá trị đất đai, giá trị nhà cửa vật kiến trúc và các hỗ trợ khác, diện tích đất, nhà còn thiếu theo quy định tại thời điểm đối với diện tích đất thu hồi và cây cối, công trình vật kiến trúc trên đất không sát với giá thị trường, trên cơ sở bảng giá đất tại Quyết định số 32 ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu tính giá trị bồi thường trả cho gia đình ông diện tích đất thực tế thu hồi 9,8m² đất thực tế đang sử dụng, đất không có trong phương án đền bù (Quyết định số 3932/QĐ-UBND, của UBND thành phố thu hồi 64,4m², thực tế thu hồi là 74,2m²), Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình kiểm đếm và lập phương án bồi thường mặc dù ông L2 đã cung cấp giấy tờ chuyển nhượng viết tay được UBND xã Đ xác nhận ngày 14/02/1993, đồng thời UBND xã Đ đã sao y bản

chính số 34 ngày 26/4/2005. Theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, nay là khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013 thì giấy tờ chuyển nhượng giữa ông NĐT và ông NTL được công nhận đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo quy định và đủ điều kiện để công nhận loại đất theo mục đích sử dụng là đất ở và không phải nộp tiền sử dụng đất. Tuy nhiên, qua xem xét giấy tờ mua bán viết tay bản sao (có chứng thực của UBND xã Đ ngày 26/4/2005) nhưng không có bản gốc để kiểm tra, đối chiếu. Trên giấy tờ mua bán viết tay có một số nội dung không rõ nét, do vậy chưa đủ cơ sở xác thực các nội dung thông tin trên giấy chuyển nhượng là đảm bảo. Do đó, chưa đủ điều kiện để khẳng định việc chuyển nhượng nhà, đất của ông NĐT với ông NTL là trước thời điểm 15/10/1993. Như vậy, phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đã được tính toán, phê duyệt theo giá đất ở, thu 50% tiền sử dụng đất là đảm bảo quy định. Đối với yêu cầu bồi thường giá trị sát với giá thị trường, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1647 ngày 23/8/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường về đất đối với 17 hộ gia đình ảnh hưởng bởi dự án P. Hộ ông L2 được bồi thường, hỗ trợ với tổng giá trị thực lĩnh tại các Quyết định là 279.673.800đồng. Như vậy, phương án bồi thường, hỗ trợ của gia đình ông L2 đã được xem xét, điều chỉnh đảm bảo theo quy định nên yêu cầu của ông L2 về việc bồi thường theo giá thị trường là không có cơ sở chấp nhận.

[2.8] Đối với nội dung yêu cầu giao tái định cư: Tại biên bản thống kê kiểm đếm khối lượng đền bù về đất đai, nhà cửa vật kiến trúc và cây cối hoa màu có trên đất thu hồi xây dựng công trình P, thành phố Lạng Sơn được lập ngày 13/10/2004, thể hiện hộ gia đình ông L2 tổng diện tích thực tế đang sử dụng là 206,4m² diện tích thu hồi là 64,4m², diện tích còn lại là 82,8m², ông L2 đại diện hộ gia đình đã ký tên vào biên bản nêu trên. Đồng thời tại biên bản xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất ngày 26/11/2005 của Ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố Lạng Sơn có ghi rõ nội dung: *“theo đơn đề nghị ngày 20/4/2005 của gia đình ông L2 thì tổ công tác thuộc ban đền bù GPMB thành phố đã kiểm tra thực địa tổng diện tích khu đất gia đình đang sử dụng là 206,4m², diện tích tăng so với bản đồ địa chính, đo vẽ năm 1997 là 59,2m² thuộc thửa số 33, diện tích thu hồi là 73,2m² trong đó 64,4m² thuộc thửa đất số 10 và diện tích 8,8m² theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 1997 thuộc thửa 33 thể hiện là đất giao thông... Diện tích còn lại là 133,2m² trong bản đồ địa chính 1997 bao gồm 02 thửa là thửa số 10, diện tích 82,8m² và thửa số 33, diện tích 50,4m²”*. Biên bản đã được các thành viên tổ công tác và đại diện khối phố, chính quyền địa phương ký xác nhận, hộ ông L2 cũng đã ký xác nhận các nội dung trên là đúng. Như vậy, ông L2 đã công nhận ngoài 64,4m² đất bị thu hồi thì ông L2 còn lại diện tích đất đang sử dụng là 133,2m². Tại thời điểm kiểm đếm, họp xét và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ như đã nêu trên, ông L2 không xuất trình thêm bất cứ loại giấy tờ nào khác ngoài bản sao giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được UBND xã Đ xác nhận năm 1993 để chứng minh phần diện tích đất còn lại và ngôi nhà 03 tầng mà gia đình ông đang sinh sống không phải của gia đình ông. Trong quá trình kiểm tra, xác minh giải quyết khiếu nại, ông L2 đã cung cấp cho Thanh tra thành phố 01 giấy chuyển nhượng đất giữa ông NĐT và em gái là NTL, thời gian ghi trên giấy chuyển nhượng

là 16/5/1993. Tuy nhiên, kiểm tra giấy tờ chuyển nhượng, bao gồm giấy chuyển nhượng của ông T2 cho ông L2 và giấy chuyển nhượng của ông T2 cho bà L1 với hồ sơ địa chính cho thấy có thông tin mâu thuẫn, cụ thể là: Hai giấy chuyển nhượng nêu trên ghi thời gian chuyển nhượng là năm 1993, trước thời điểm đo vẽ bản đồ địa chính năm 1997, cả hai giấy tờ đều ghi trên đất có ngôi nhà cấp 4, trong đó giấy tờ của ông L2 thể hiện gồm nhà cấp 4 và công trình phụ, giấy tờ của bà L1 ghi có nhà cấp 4. Như vậy theo giấy tờ chuyển nhượng do ông L2 cung cấp thì thời điểm 1993 có tổng 02 ngôi nhà cấp 4 trên đất và 01 công trình phụ. Tuy nhiên năm 1997 khi đo vẽ thành lập bản đồ địa chính thì trên bản đồ địa chính phường T1 thể hiện chỉ có 01 ngôi nhà cấp 4 trên đất và 01 công trình phụ, vị trí ngôi nhà và công trình phụ hoàn toàn phù hợp với vị trí mô tả trong giấy chuyển nhượng của ông T2 cho ông L2. Ngoài ra giấy chuyển nhượng đất giữa ông T2 và bà L1 không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, không có người làm chứng của bên thứ ba, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 thì giấy chuyển nhượng đất nói trên không đảm bảo về mặt pháp lý, đồng thời theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự thì giấy chuyển nhượng đất giữa ông NĐT với bà NTL không có hiệu lực và không được pháp luật công nhận. Qua kiểm tra xác minh và lời khai tại phiên tòa thì bà NTL không có hộ khẩu thường trú, cũng không trực tiếp sinh sống tại mảnh đất nói trên, do vậy không đủ căn cứ để khẳng định mảnh đất nói trên thuộc quyền sử dụng của bà NTL. Hiện tại, ông L2 vẫn là người quản lý và sử dụng phần diện tích đất còn lại và ngôi nhà 03 tầng trên đất. Đối chiếu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 và Điều 86 Luật Đất đai năm 2013, hộ gia đình ông L2 không đủ điều kiện được xem xét hỗ trợ giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Nội dung yêu cầu giao 01 ô đất tái định cư cho gia đình ông là không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông NTL là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L2 không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới nên kháng cáo của ông L2 không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Ông L2 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, vì vậy cần miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông L2 theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] Bác kháng cáo của ông NTL. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

[2] Án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông NTL.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hồng Sơn

Phan Thị Vân Hương

Trần Quang Minh

